TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 3, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1984; nơi cư trú: Lầu 2, số 73 ngõ 40 đường Thừa Đức, cụm 10, khu Sĩ Lâm, thành phố Đài Bắc, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Đình T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình tại xóm 3, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Sau một thời gian dài chung sống, anh chị đã làm thủ tục phỏng vấn xin cấp

visa nhưng không thành công. Sau đó, do chị Nh mang quốc tịch Đài Loan nên chị phải trở lại Đài Loan. Trong thời gian xa cách, anh T và chị Nh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai người dần ít liên lạc với nhau. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn khả năng đoàn tụ, anh T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Bùi Thị Nh.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Nh không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Bùi Thị Nh hiện đang ở nước ngoài, sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa cho chị Bùi Thị Nh.

Tại phiên tòa: Anh Vũ Đình T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về cơ bản đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt anh Vũ Đình T và chị Bùi Thị Nh là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tại liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Giữa anh Vũ Đình T và chị Bùi Thị Nh đã không liên lạc với nhau từ lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đình T. Anh T và chị Nh không có con chung, tài sản chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét. Anh T phải chịu án phí, và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Đình T và chị Bùi Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 02 năm 2015, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Bùi Thị Nh hiện đang sinh sống tại Đài Loan, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về kết quả ủy thác tư pháp: Theo địa chỉ mà anh Vũ Đình T cung cấp cũng như địa chỉ mà chị Bùi Thị Nh đã khai khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh

Vũ Đình T, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Bùi Thị Nh. Ngày 04 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp đã tống đạt văn bản tại đồn cảnh sát địa phương, theo quy định như vậy là coi là tống đạt hợp pháp cho chị Bùi Thị Nh. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2020, chị Bùi Thị Nh vắng mặt, không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hoãn phiên tòa, và ấn định ngày mở phiên tòa lần hai vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Nh.

[3] Về hôn nhân: Anh Vũ Đình T khai nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và chị Bùi Thị Nh do mỗi người ở một nơi, không còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ khi chị Bùi Thị Nh trở về Đài Loan, giữa anh T và chị Bùi Thị Nh không giữ liên lạc với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị Bùi Thị Nhvà anh T đã sống ly thân từ năm 2015, không chăm sóc giúp đỡ, yêu thương nhau. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đình T là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đình T.

[4] Về con chung và tài sản chung: Theo lời khai của Anh Vũ Đình T giữa anh và chị Bùi Thị Nh không có con chung và tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Vũ Đình T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về phí ủy thác tư pháp: Anh Vũ Đình T phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Vũ Đình T và chị Bùi Thị Nh được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 266, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 3 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Đình T được ly hôn với chị Bùi Thị Nh

2. Về con chung và tài sản chung: Anh Vũ Đình T trình bày giữa anh và chị Bùi Thị Nh không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Vũ Đình T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001810 ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Đình T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về phí ủy thác tư pháp: Anh Vũ Đình T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) phí ủy thác tư pháp để tống đạt Văn bản tố tụng của tòa án cho chị Bùi Thị Nh nhưng được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0001810 ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Đình T đã nộp đủ tiền phí ủy thác tư pháp.

Anh Vũ Đình T còn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp để tống đạt bản án cho chị Bùi Thị Nh.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Vũ Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Bùi Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp